

CTCP Sơn Đồng Nai

Ngày 31/12/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.5%	-7.1%	15.3%

DT thuần Q4/25
31.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.60 16.8%
YoY: ▼4.40 -12.2%

LN thuần Q4/25
0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.87 -93.4%
YoY: ▼2.87 -95.6%

LN sau thuế Q4/25
-0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.85 -106%
YoY: ▼3.15 -104%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
8.9%
YoY: +/- ▼ 1.3%

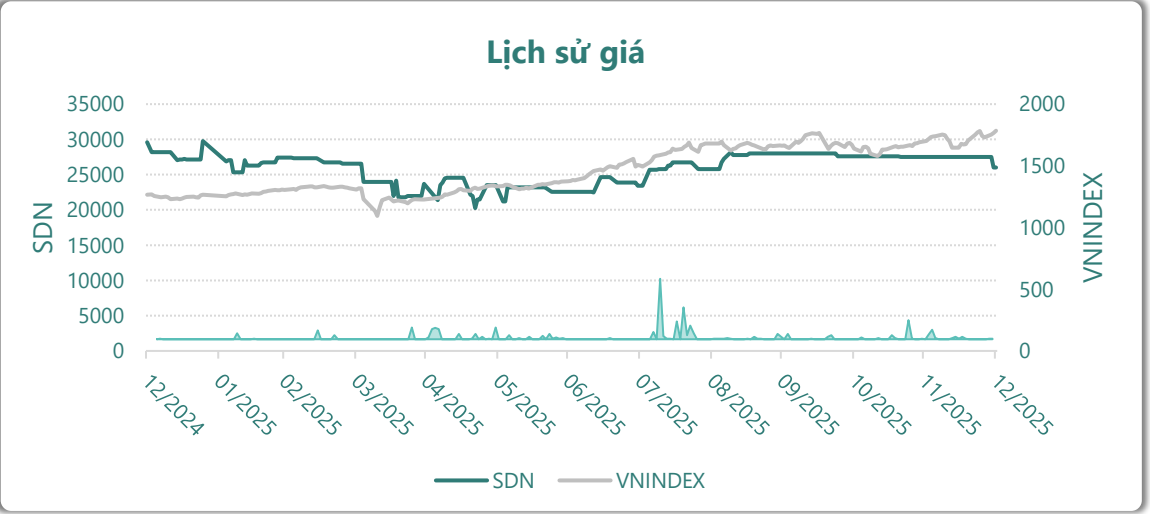
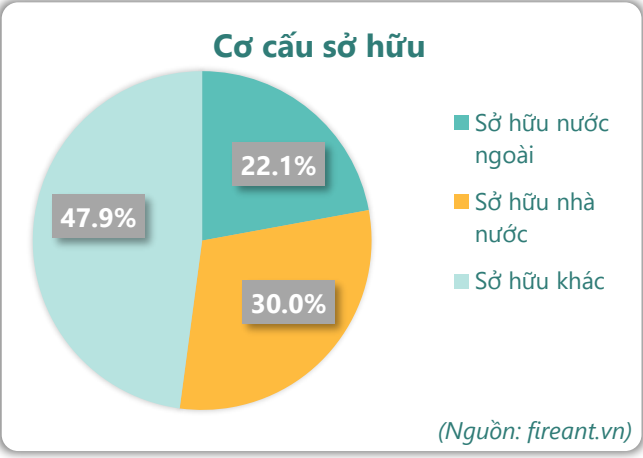
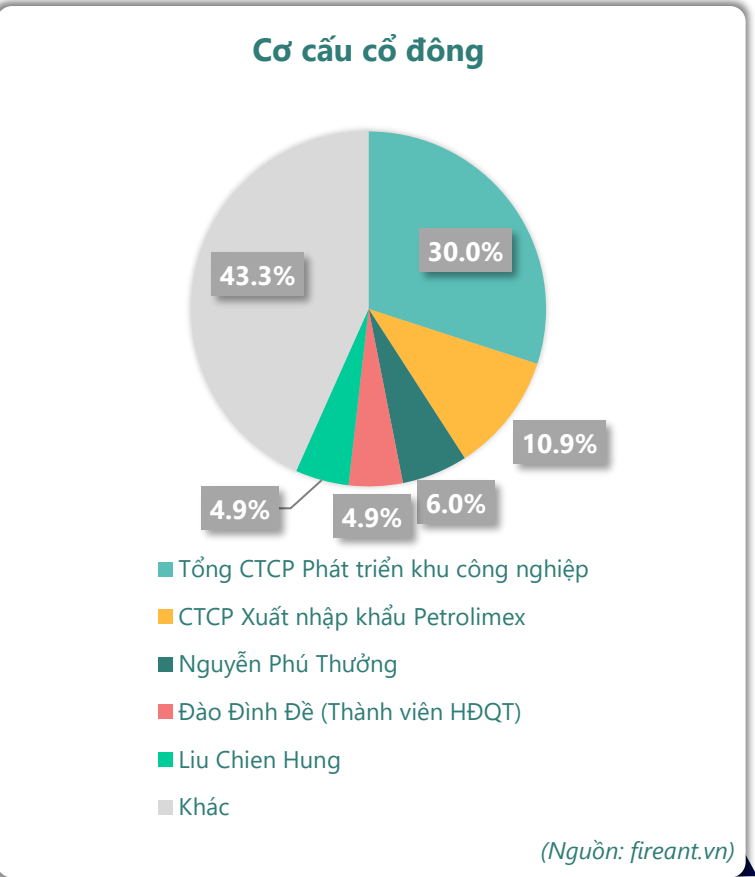
ROE 2025
10.0%
YoY: +/- ▼ 3.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,253 - 29,765
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
Số lượng CPLH (CP)	3,036,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	22.1%
Beta	0.05
EPS	2,202
P/E	11.8

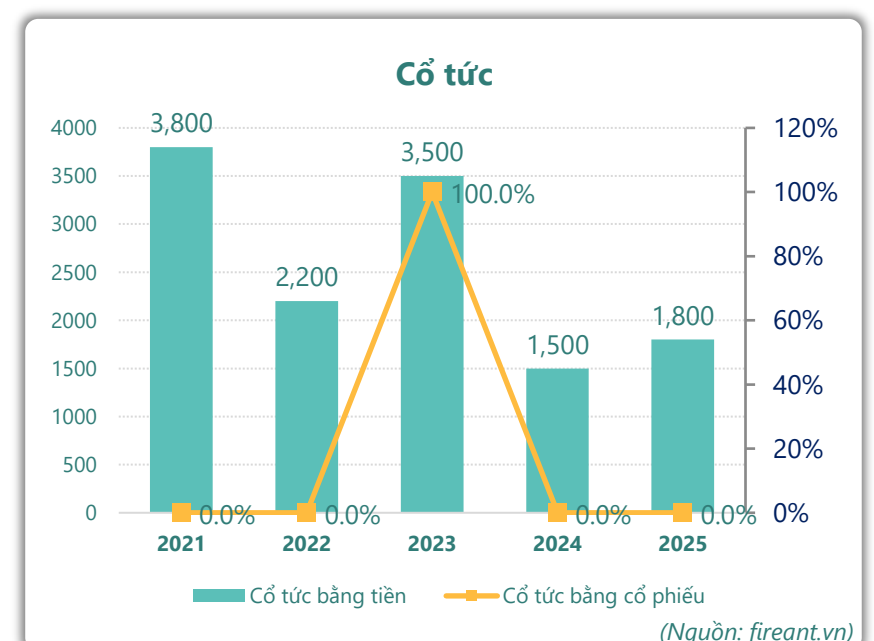
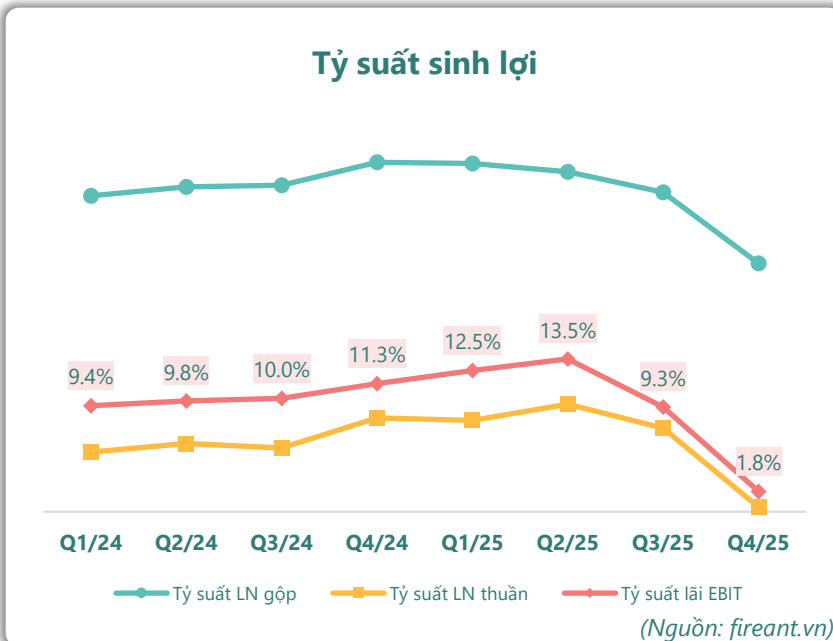
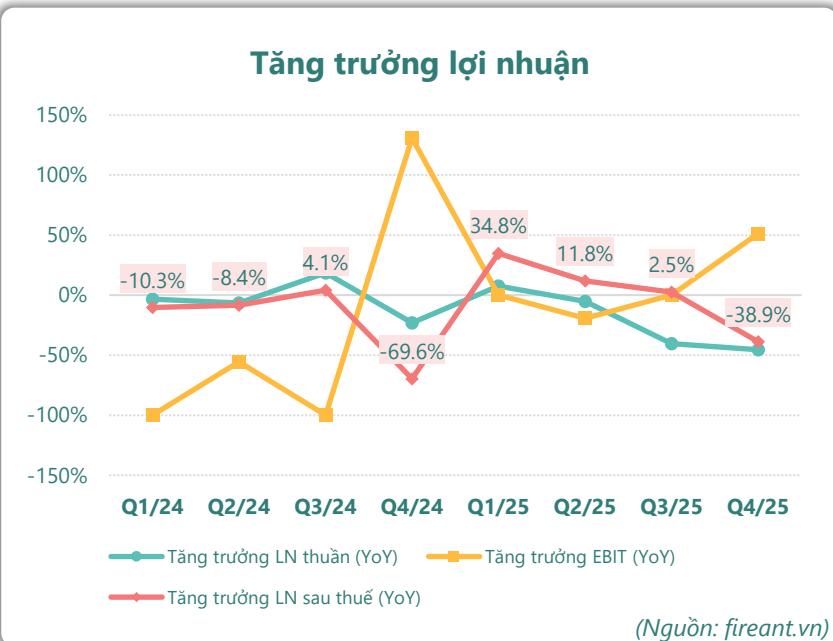
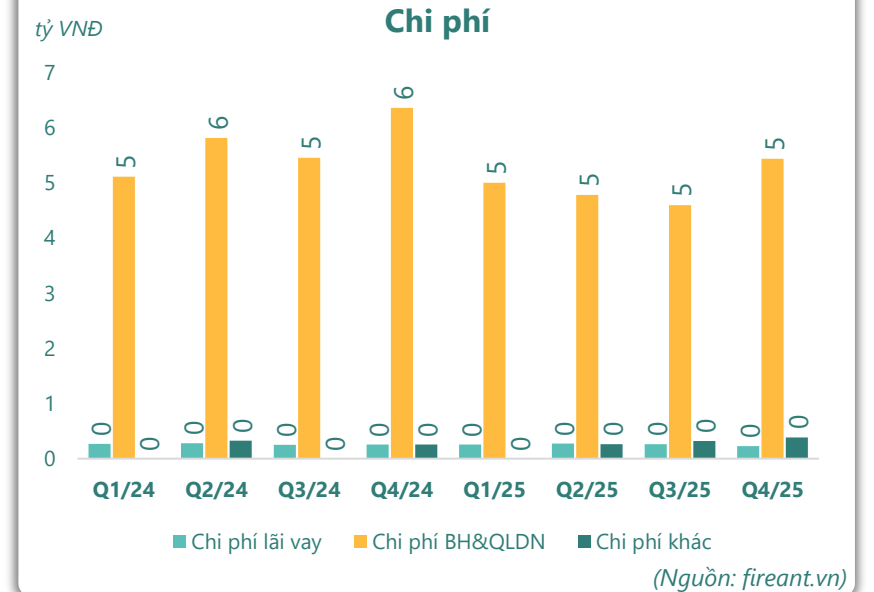
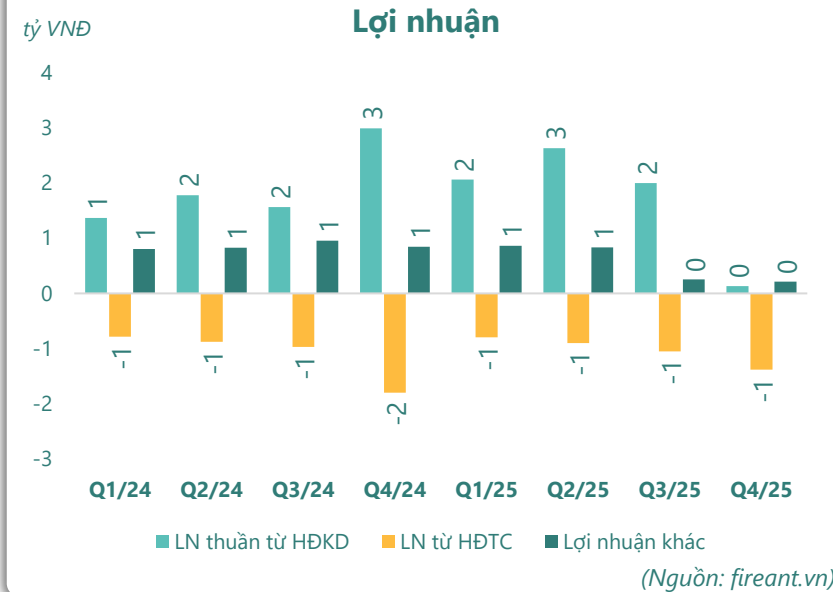
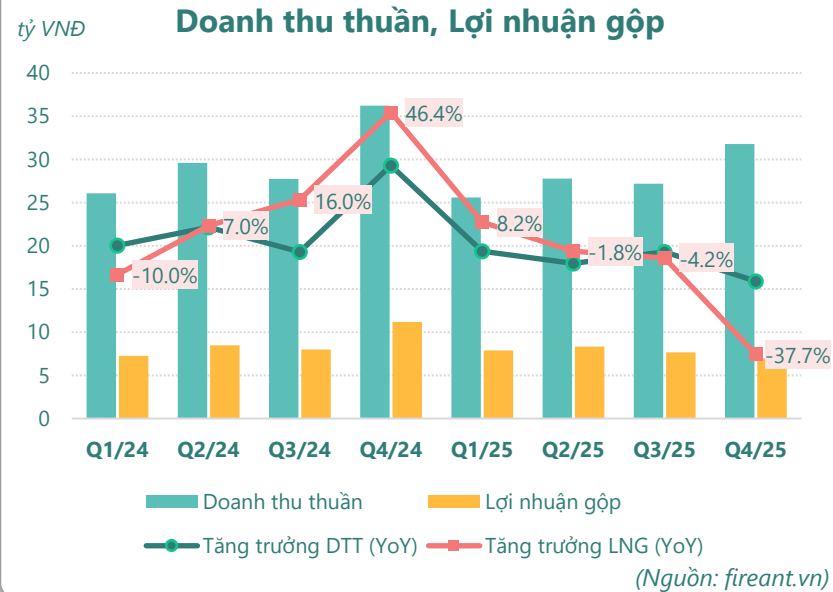
DT thuần 2025
112
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00 -6.1%

LN thuần 2025
6.84
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.87 -11.4%

LN sau thuế 2025
6.69
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.16 -24.4%



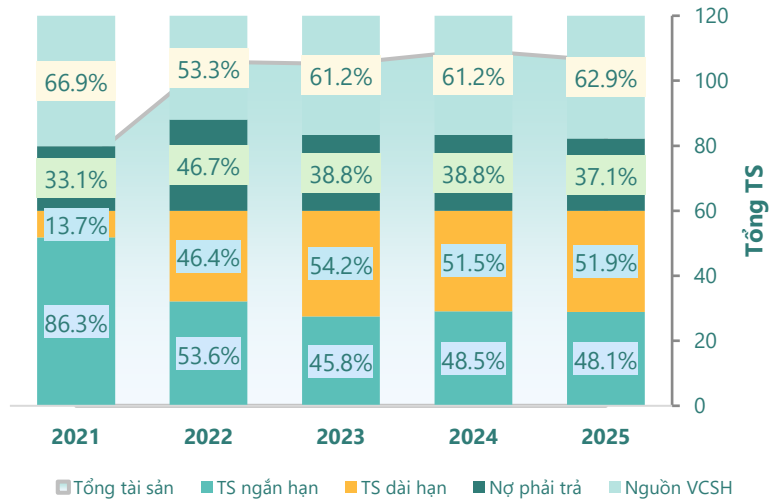
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

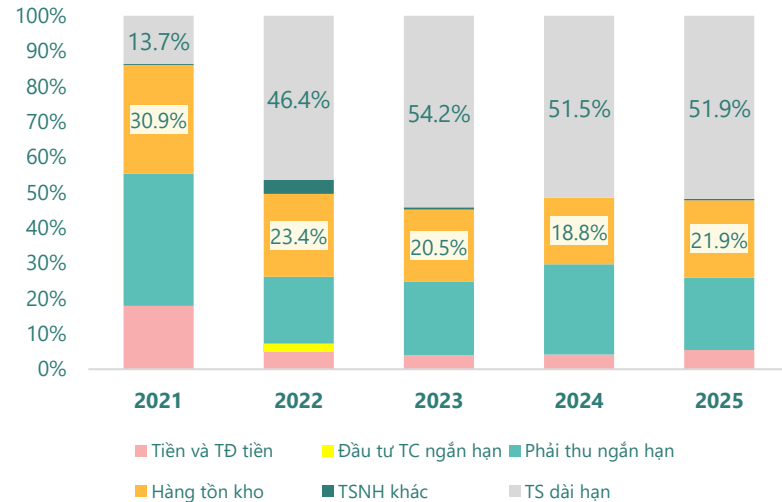
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

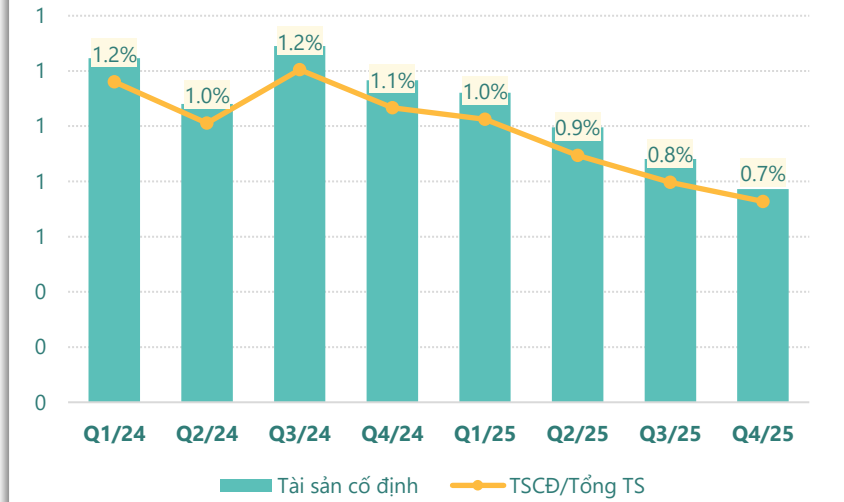
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

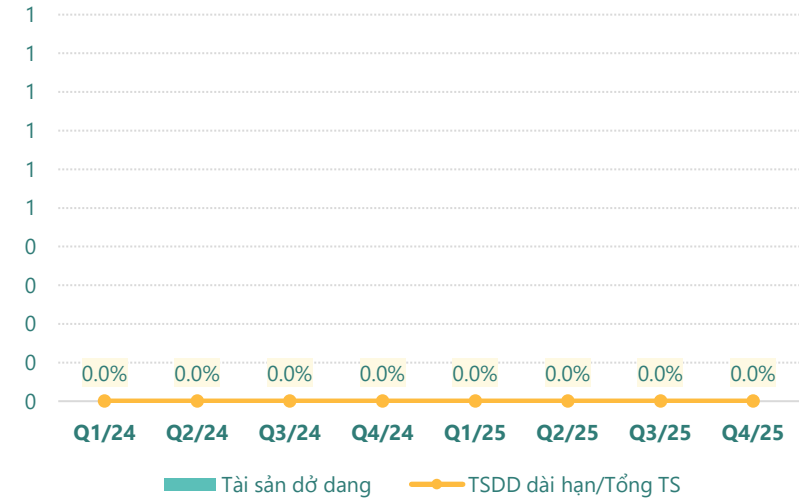
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

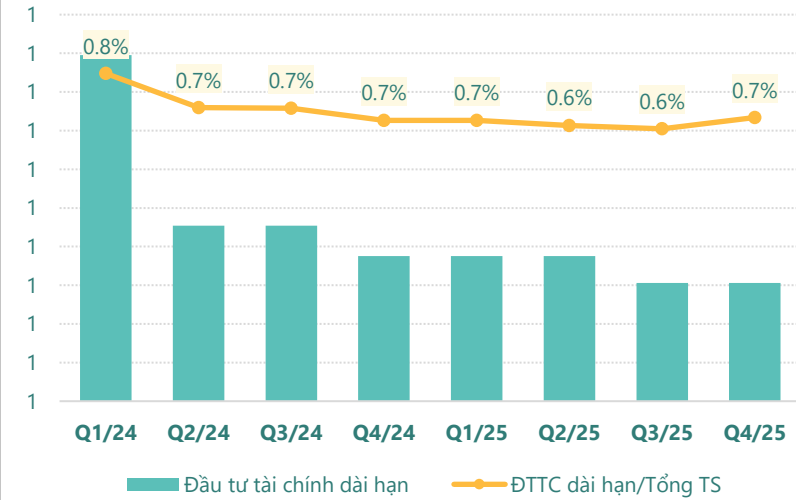
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

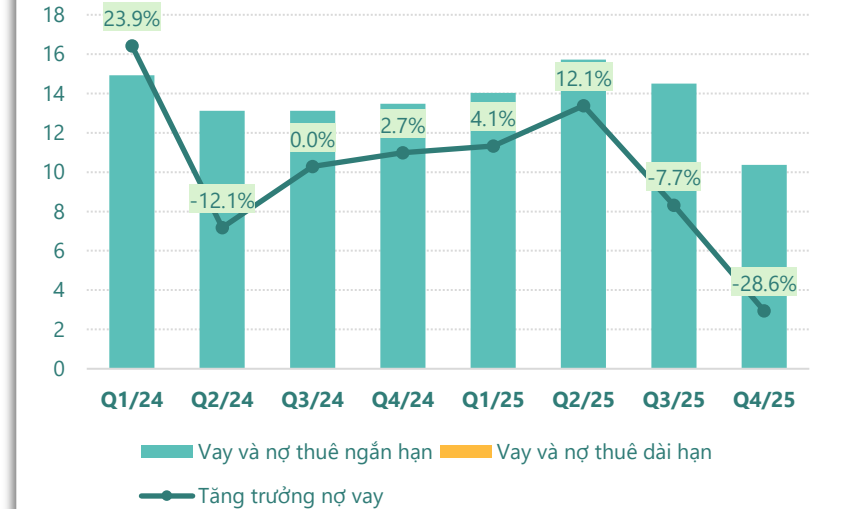
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

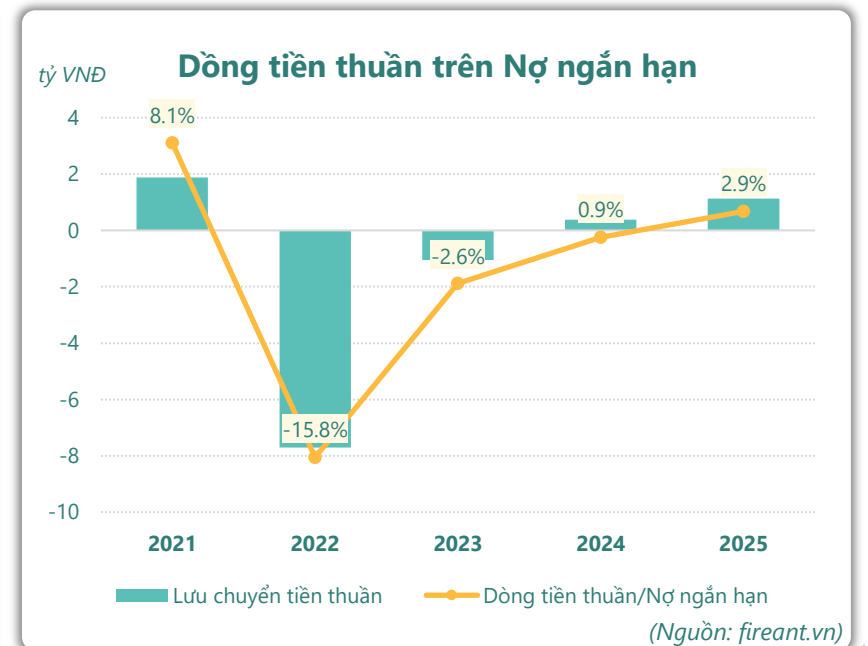
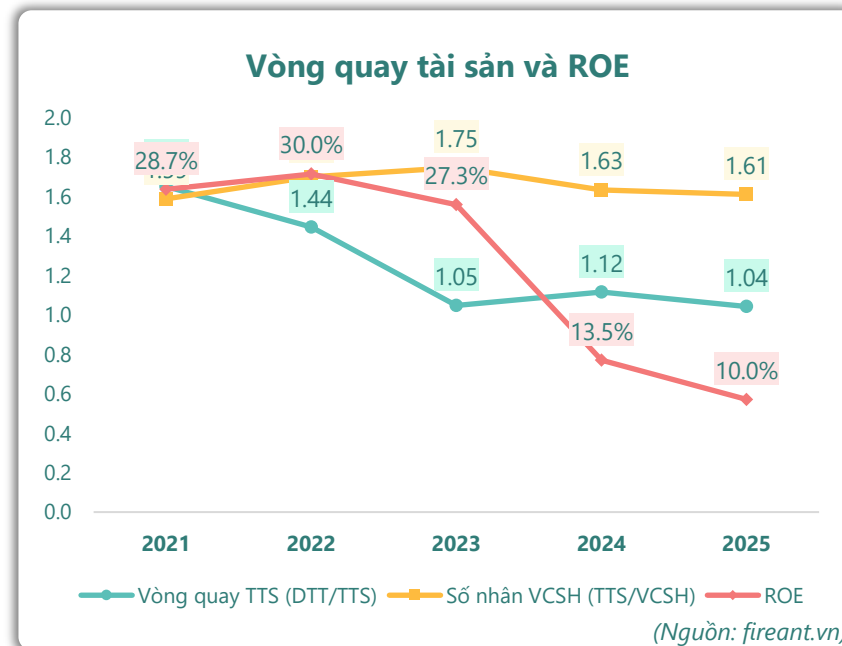
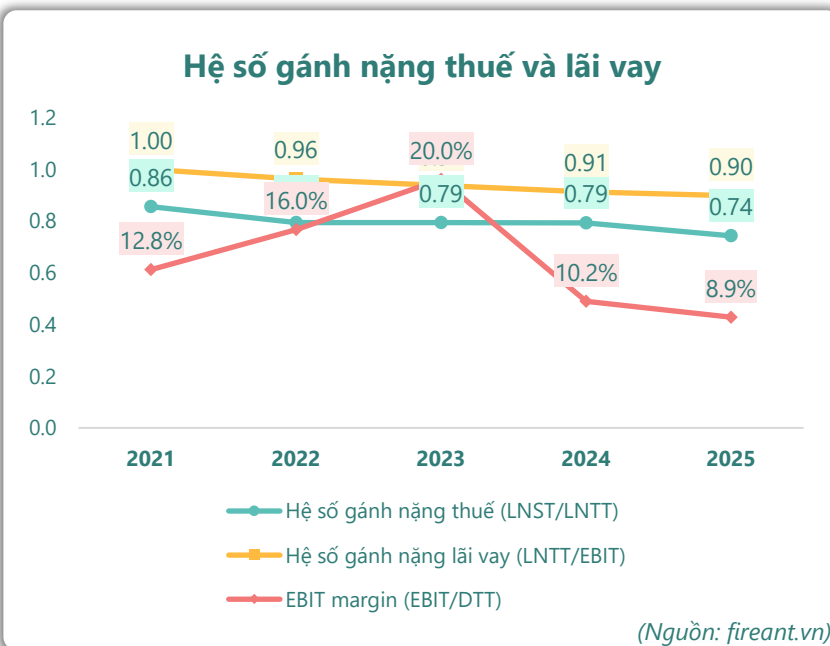
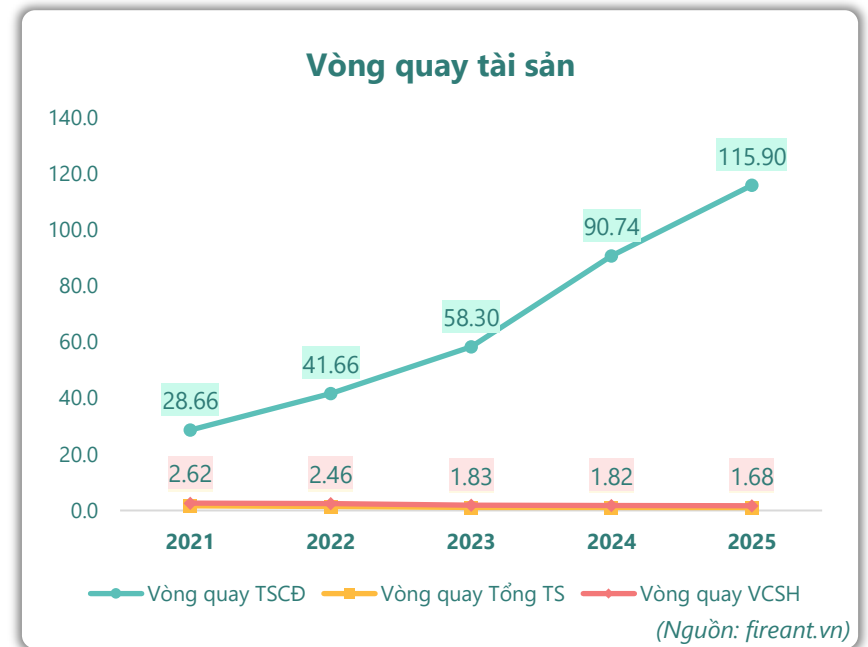
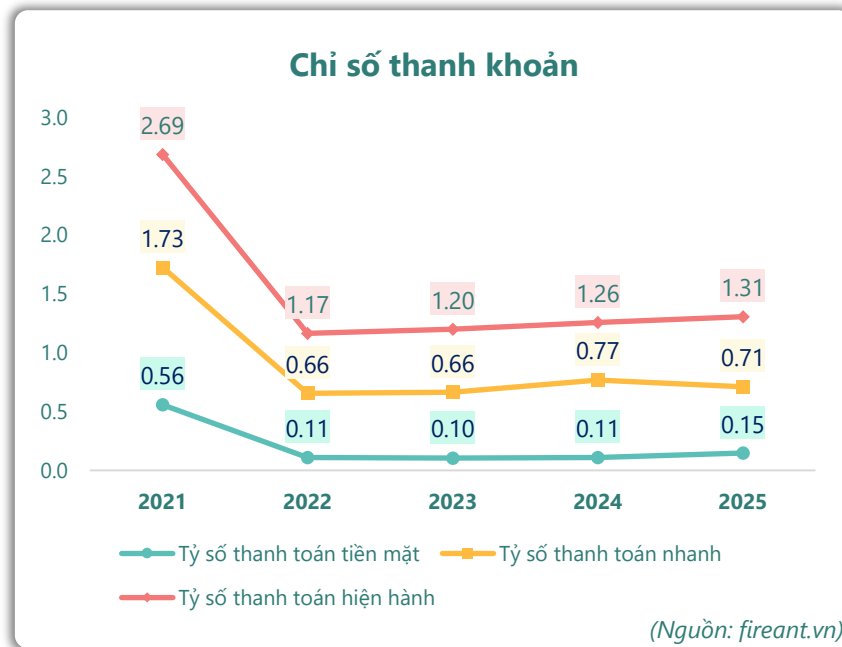
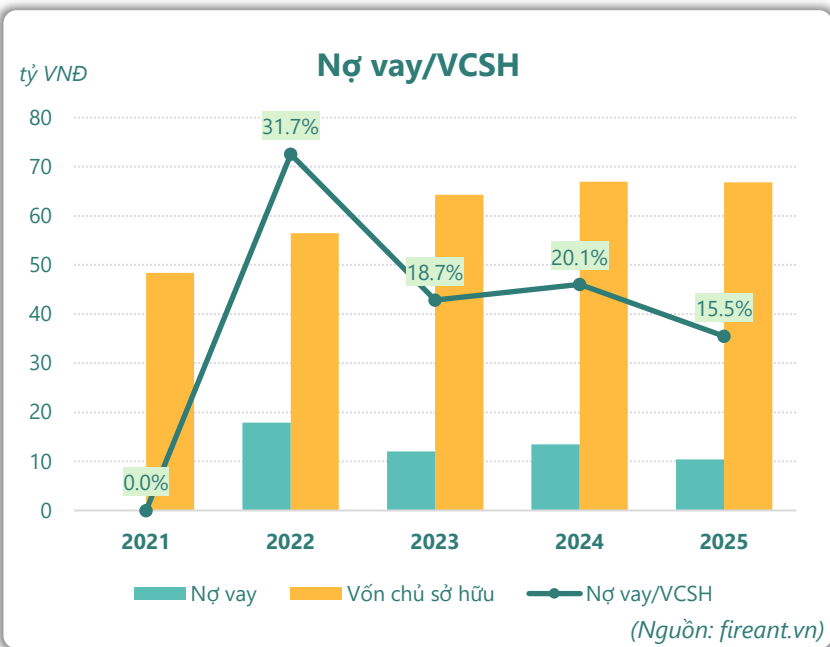
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	31.8	36.2	-12.2%	112	120	-6.1%
Giá vốn hàng bán	24.8	25.1	-1.2%	81.5	84.7	-3.8%
Lợi nhuận gộp	6.96	11.2	-37.8%	30.8	34.9	-11.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.03	-80.2%
Chi phí TC	1.39	1.81	-23.3%	4.14	4.47	-7.3%
Chi phí lãi vay	0.23	0.25	-9.6%	1.02	1.05	-3.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.92	3.52	-45.5%	6.42	8.46	-24.1%
Chi phí QLDN	3.53	2.85	23.7%	13.4	14.3	-6.1%
LN thuần từ HĐKD	0.13	3.00	-95.6%	6.84	7.71	-11.4%
Lợi nhuận khác	0.21	0.85	-74.7%	2.16	3.44	-37.1%
LN trước thuế	0.35	3.84	-91.0%	9.00	11.2	-19.3%
Lợi nhuận sau thuế	-0.11	3.04	-104%	6.69	8.85	-24.4%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.11	3.04	-104%	6.69	8.85	-24.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.48	-0.98	0.36	-2.09	4.53	6.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.18	0.03	-0.08	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.04	0.35	-0.97	1.69	-5.15	-4.14
Tiền đầu kỳ	4.93	5.19	4.59	3.90	3.50	2.88
Lưu chuyển tiền thuần	0.27	-0.60	-0.69	-0.40	-0.62	2.84
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.19	4.59	3.90	3.50	2.88	5.72

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	106	109	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	51.1	53.1	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	5.72	4.59	24.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	21.8	27.9	-21.9%
Hàng tồn kho	23.3	20.6	13.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	0	
Tài sản dài hạn	55.1	56.3	-2.1%
Phải thu dài hạn	0.86	0	
Tài sản cố định	0.77	1.17	-33.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.70	0.72	-1.9%
Tài sản dài hạn khác	52.7	54.4	-3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	39.3	42.4	-7.2%
Nợ ngắn hạn	39.1	42.2	-7.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.4	13.5	-23.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.4	17.4	23.2%
Nợ dài hạn	0.23	0.20	15.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	66.8	66.9	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	66.8	66.9	-0.2%
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

